

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2018.

“V/v: Tranh chấp về ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Luyên.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Khắc Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yên – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thị Minh Nguyệt. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2018/HNGĐ-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp về hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 10 năm 2018. Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị D. Sinh năm: 1994 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Nơi cư trú: thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Đ. Sinh năm 1989 (*Có mặt*)

Nơi cư trú: thôn 1, xã ET, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2018, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày:

Chị D chung sống với anh Phạm Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã ET vào năm 2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2015 hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống và tính tình không hợp nhau, mặc dù hai vợ chồng đã được gia đình hai bên động viên nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Đến cuối năm 2015 chị D bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại tỉnh Hải Dương cho đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có sự chăm sóc, quan tâm đến nhau nên chị D có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị D và anh Đ có 02 con chung cháu Phạm Khánh A, sinh ngày 10/12/2013 và cháu Phạm Bảo K, sinh ngày: 11/4/2015. Nguyên vọng của chị D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Bảo K đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đ phải trợ cấp nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống chị D và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Anh Đ chung sống với chị Vũ Thị D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã ET vào năm 2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2015 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống và tính tình không hợp nhau, bản thân do chị D chung sống với gia đình chồng có nhiều điều không phù hợp nên đến cuối năm 2015 chị D bỏ về quê tại tỉnh Hải Dương sinh sống cùng với cháu Phạm Bảo K cho đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có sự chăm sóc, quan tâm đến nhau nên chị D có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Phạm Văn Đ thì anh Đ cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Phạm Văn Đ thống nhất với lời trình bày của chị D. Đồng thời anh Đ có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Bảo A đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống chị D và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì xác định chị Vũ Thị D hiện đang sinh sống tại huyện B, tỉnh Hải Dương nên Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương tiến hành lấy lời khai và tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị D.

Do chị Vũ Thị D có đơn xin vắng mặt tại phiên họp xem xét việc giao nộp, tiếp cận, kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải nên Tòa án nhân dân huyện Ea Kar không tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án được. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Vũ Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt và nội dung đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Ea Kar chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Phạm Văn Đ. Bị đơn anh Phạm Văn Đ thống nhất với ý kiến của chị D.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị D, cho chị Vũ Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn Đ. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Phạm Bảo K cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Khánh A cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi

trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không có nên không đề cập đến để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn Đ. Anh Phạm Văn Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã ET, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ET, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị D và anh Đ cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên chị D đã bỏ về quê sinh sống từ cuối năm 2015 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D có nguyện vọng là xin được ly hôn với anh Phạm Văn Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để cho chị Vũ Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn Đ là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị D và anh Đ có 02 con chung cháu Phạm Khánh A, sinh ngày 10/12/2013 và cháu Phạm Bảo K, sinh ngày: 11/4/2015. Chị D và anh Đ đều thống nhất thỏa thuận chị D nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Bảo K đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cháu Phạm Khánh A cho anh Đ chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là thỏa thuận phù hợp nên cần chấp nhận. Về trợ cấp nuôi con chung các đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống chị D và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004364 ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 71, Điều 72, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh A, sinh ngày: 10/12/2013 cho anh Phạm Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao cháu Phạm Bảo K, sinh ngày: 11/4/2015 cho chị Vũ Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về trợ cấp nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đề cập đến để giải quyết.

Chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, chị D và anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị D và anh Phạm Văn Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không đề cập đến để giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004364 ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Quyền kháng cáo: Báo cho bị đơn được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn chị Vũ Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã ET;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện